TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM
Ngày 15-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đượm
Ông Nguyễn Văn Hiếu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Xuân Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/TLST- KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2016, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 14/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-KDTM ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Kim Ng**, sinh năm 1978 - Chủ Hộ kinh doanh K

Địa chỉ: Ấp 4B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Bà Ngân ủy quyền cho anh **Ngô Văn D**, sinh năm 1976;(có mặt)

ĐKTT: Ấp Bảo Thị, xã Đ, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: **Công ty TNHH TM-DV- XL T**.

Trụ sở: Ấp S, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1975 - Giám đốc công ty. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 27/6/2016, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2017, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim Ng do đại diện hợp pháp là ông Ngô Văn D trình bày**:

Ngày 10/3/2015, chị Ng có ký hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT –TBP về việc thi công đường dây trung thế và TBA3p -160Kva với công ty TNHH TM-DV- XL T (sau đây được viết tắt là công ty T) có trụ sở tại ấp S, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Nai do anh Võ Văn T làm đại diện theo pháp luật. Theo hợp đồng, công ty T phải thi công cho chị Ng công trình trên với giá 250.000.000 đồng; bên chị Ng phải thanh toán làm 3 đợt cho công ty T như sau:

- Đợt 1 thanh toán 40% ngay sau ký hợp đồng.

- Đợt 2 thanh toán 40% sau khi công ty T trồng trụ và treo máy biến áp.

- Đợt 3 thanh toán 20% sau khi thi công xong công trình máy điện và đưa vào sử dụng.

Nội dung hợp đồng còn thể hiện, nếu công ty T không thực hiện đúng tiến độ thi công trong thời hạn 30 ngày hoặc tự ý ngưng trệ công trình thì bà Ng có quyền hủy bỏ hợp đồng. Các bên còn thỏa thuận, sau khi chấm dứt hợp đồng, chị Ng sẽ thanh toán cho công ty T phần thi công đạt yêu cầu, công ty T phải chịu phạt 8% giá trị hạng mục bị vi phạm.

Thực hiện hợp đồng chị Ng đã thanh toán cho công ty T số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 10/3/2015 và công ty T phải thi công hoàn chỉnh công trình theo Điều 6 của hợp đồng từ 45 -60 ngày kể từ ngày công ty T nhận được hồ sơ pháp lý. Sau đó, các bên có ký thêm Biên bản thương thảo hợp đồng (không thể hiện ngày, tháng) nâng giá trị hợp đồng kinh tế ngày 10 tháng 3 năm 2015 thành 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền đợt 1, công ty T trì hoãn không thi công công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Nay chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố chấm dứt đồng kinh tế số 22/15/HĐKT - TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015 về việc thi công đường dây trung thế và TBA3p -160Kva với công ty TNHH TM-DV- XL T.

2. Công ty TNHH TM-DV- XL T phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với chị Phạm Thị Kim Ng- Chủ Hộ kinh doanh K số tiền là 18.400.000 đồng.

3. Công ty T phải trả lại cho chị Ng số tiền 38.025.000 đồng tiền đã tạm ứng còn lại sau khi thi công công trình.

*** Tại tại phiên tòa, anh Võ Văn T là đại diện hợp pháp của công ty T trình bày**.

Giữa chị Phạm Thị Kim Ng và công ty T có ký kết hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP về việc thi công đường dây trung thế và trạm biến áp TBA3p-160Kva. Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về nội dung hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng chị Ng đã giao cho công ty T 100.000.000 đồng để thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 10/5/2016, các bên thỏa thuận lại giá trị hợp đồng thi công là 300.000.000 đồng do giá cả thiết bị thay đổi. Sau đó, công ty có đề nghị chị Ng ứng thêm 100.000.000 đồng để lấy máy biến áp về thi công công trình nhưng chị Ng không đồng ý. Vì vậy, công ty T đã ngưng thi công công trình từ đó đến nay.

Công ty T đồng ý chấm dứt hợp đồng và đồng ý thanh toán 45.000.000 đồng (bao gồm tiền chị Ng đã tạm ứng và chi phí thẩm định giá). Đối với yêu cầu thanh toán số tiền bồi thường thiệt hại, công ty T chỉ đồng ý chịu phạt 3% trên 38.025.000 đồng theo Điều 13 của hợp đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện các thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Theo nội dung hợp đồng thì công ty T đã vi phạm hợp đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố chấm dứt hợp đồng và yêu cầu phạt vi phạm đối với công ty T trên phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Đối với yêu cầu công ty T trả lại số tiền 38.025.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử tính giá trị công trình công ty T đã thực hiện để khấu trừ nghĩa vụ của công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Theo Hợp đồng kinh tế ngày 10/3/2015, công ty T có nghĩa vụ thi công công trình sau khi chị Ng đã tạm ứng 40% số tiền theo hợp đồng. Ngày 10/4/2015, chị Ng tạm ứng cho công ty T 100.000.000 đồng nhưng công ty T không thi công đúng tiến độ như trong hợp đồng. Đến ngày 27/6/2016, chị Ng khởi kiện công ty T yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000 đồng nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Ngày 27/6/2016, chị Ng khởi kiện công ty T yêu cầu trả lại số tiền đã tạm ứng là 100.000.000 đồng. Tranh chấp giữa chị Phạm Thị Kim Ng và công ty T phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các thương nhân và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xác định đây là tranh chấp hợp đồng thi công theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty T có trụ sở tại ấp S, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Về tư cách đương sự: Chị Phạm Thị Kim Ng- chủ hộ kinh doanh K khởi kiện yêu cầu công ty T nên chị Phạm Thị Kim Ng - chủ hộ kinh doanh là nguyên đơn, công ty T là bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu chấm dứt đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015 về việc thi công đường dây trung thế và TBA 3p–160Kva.

Hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP về việc thi công đường dây trung thế và TBA3p-160Kva giữa công ty T và chị Phạm Thị Kim Ng thì chị Ng có

nghĩa vụ thanh toán tiền làm 03 đợt:

Đợt 1 thanh toán 40% ngay sau ký hợp đồng.

Đợt 2 thanh toán 40% sau khi công ty T trồng trụ và treo máy biến áp.

Đợt 3 thanh toán 20% sau khi thi công xong công trình máy điện và đưa vào sử dụng.

Ngược lại, công ty T có trách nhiệm thi công theo đúng tiến độ quy định trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Phạm Thị Kim Ng đã tạm ứng cho công ty T 100.000.000 đồng. Sau đó, các bên có ký thêm Biên bản thương thảo hợp đồng (không thể hiện ngày, tháng) nâng giá trị hợp đồng kinh tế ngày 10 tháng 3 năm 2015 thành 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Ng và công ty T đều thừa nhận có ký thỏa thuận điều chỉnh giá hợp đồng thi công nên việc thỏa thuận giá trị hợp đồng thành 300.000.000 đồng có giá trị, được coi là một phần nội dung của hợp đồng kinh tế ngày 10 tháng 3 năm 2015 nên được công nhận.

Sau khi thỏa thuận tăng giá trị hợp đồng thi công, công ty T tự ý ngưng thi công công trình sau khi yêu cầu chị Ng tạm ứng thêm 100.000.000 đồng để mua máy biến áp nhưng không được đáp ứng. Trong khi hợp đồng không thỏa thuận chị Ng phải tạm ứng 100.000.000 đồng mua máy biến áp thì công ty T mới tiếp tục thi công.

Theo Điều 145 Luật Xây dựng năm 2014 quy định, bên giao thầu có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng trong trường hợp bên nhận thầu từ chối hoặc không thực hiện công việc theo hợp đồng dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng. Theo mục b Điều 12 của hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015, nếu "bên B không thực hiện đúng tiến độ thi công quá hạn 30 ngày hoặc tự ý ngưng trệ công trình" thì bên A (chị Phạm Thị Kim Ng) có quyền hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên, cũng trong mục B Điều 12 của hợp đồng các bên lại thỏa thuận "Sau khi chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp trên, bên A sẽ thanh toán cho bên B phần thi công đạt yêu cầu, bên B phải chịu phạt 8% giá trị hạng mục bị vi phạm". Như vậy, các bên đã nhầm lẫn khái niệm giữa hủy hợp đồng và chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào thỏa thuận giữa công ty T và chị Phạm Thị Kim Ng thì việc công ty T tự ý ngưng thi công công trình là vi phạm hợp đồng, là điều kiện để bà Ngân chấm dứt hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015 về việc thi công đường dây trung thế và TBA3p-160Kva. Mặt khác, tại phiên tòa công ty T cũng đồng ý chấp dứt hợp đồng, thanh toán cho chị Phạm Thị Kim Ng số tiền 45.000.000 đồng nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015.

- Về yêu cầu công ty T phải trả lại cho bà Ng số tiền 38.025.000 đồng tiền đã tạm ứng thi công công trình.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP về việc thi công đường dây trung thế và TBA3p -160Kva, chị Ng đã tạm ứng cho công ty T 100.000.000 đồng nhưng công ty T mới thi công cho chị Ng được một phần công trình có giá trị là 61.974.500 đồng (Theo kết quả Thẩm định giá ngày 31/10/2017 của công ty Thẩm định giá TV) rồi tự ngưng thi công. Theo Điều 426 Bộ luật Dân sự 2005,

khi chấm dứt hợp đồng trên thì các bên không phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. Bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán. Vì vậy, công ty T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Ng số tiền đã tạm ứng sau khi khấu trừ phần giá trị công trình đã thực hiện được là 100.000.000 - 61.974.500 = 38.025.500 đồng.

Tại phiên tòa, công ty T đồng ý thanh toán cho chị Ng số tiền 38.025.000 đồng nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

- Về yêu cầu công ty T phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với chị Phạm Thị Kim Ng - Chủ Hộ kinh doanh K số tiền là 18.400.000 đồng.

Theo Điều 300 Luật Thương mại năm 2005: "phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận". Theo Hợp đồng ngày 10 tháng 3 năm 2015 thể hiện "Đợt 2 thanh toán 40% sau khi công ty T trồng trụ và treo máy biến áp"; theo đó, công ty T phải thi công theo tiến độ (trồng trụ và treo máy biến áp) thì chị Ng mới có nghĩa vụ thanh toán tiền đợt 2, nhưng Công ty T lại yêu cầu chị Ng đưa trước 100.000.000 đồng (BL 26) rồi mới thi công tiếp; chị Ng không thanh toán thì công ty T tự ý ngưng thi công nên công ty T là bên vi phạm nghĩa vụ, còn chị Phạm Thị Kim Ng là bên bị vi phạm nghĩa vụ.

Tại mục b Điều 12 Hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015 "Sau khi chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp trên, bên A sẽ thanh toán cho bên B phần thi công đạt yêu cầu, bên B phải chịu phạt 8% giá trị hạng mục bị vi phạm". Nhưng Điều 13 của hợp đồng trên các bên lại thỏa thuận "Bên B không hoàn thành hợp đồng đúng hạn mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc không phải do lỗi của bên A thì nhà thầu sẽ chịu phạt 0,1% giá trị hợp đồng tính cho mỗi ngày vi phạm, mức phạt tổng cộng không quá 3% giá trị hợp đồng". Như vậy, điều khoản về phạt hợp đồng của các bên trong hợp đồng không thống nhất. Tuy nhiên, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005, quy định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 8% phần giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Do đó, thỏa thuận phạt 8% giá trị hạng mục bị vi phạm là phù hợp với ý chí các bên và phù hợp với quy định của Luật Thương mại năm 2005 nên cần được chấp nhận.

Giá trị Hợp đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015 sau khi được điều chỉnh giá thông qua Bản thương thảo hợp đồng là 300.000.000 đồng. Theo kết quả thẩm định giá, giá trị hệ thống đường dây trung thế và TBA3p -160Kva mà công ty T đã thi công được tại thời điểm lắp đặt tháng 4 năm 2016 là 61.974.500 đồng. Do đó, giá trị phần nghĩa vụ công ty T vi phạm hợp đồng là 300.000.000 – 61.974.500 = 238.026.000 đồng, và bên vi phạm nghĩa vụ phải chịu phạt với số tiền: 8% x 238.026.000 đồng = 19.042.000 đồng. Tuy nhiên, chị Ng chỉ yêu cầu giải quyết số tiền phạt là 18.400.000 đồng nên chấp nhận số tiền phạt của bà Ngân đối với công ty T là 18.400.000 đồng.

[3] Về chi phí Thẩm định giá: Yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim Ng được chấp nhận nên công ty T phải chịu chi phí Thẩm định giá là 7.000.000 đồng, theo Thông báo phí Thẩm định giá ngày 30/10/2017 của Công ty Thẩm định giá TV.

[4] Về án phí: Đối với yêu cầu khởi kiện chấm dứt hợp đồng của bà Ngân được chấp nhận nên công ty T phải chịu án phí 200.000 đồng.

Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngân, buộc công ty T phải thanh toán cho bà Ngân 18.400.000 đồng tiền phạt hợp đồng và 38.025.500 đồng tiền bà Ngân tạm ứng thực hiện hợp đồng. Vì vậy, công ty T phải chịu án phí 5% của số tiền 56.425.000 đồng (18.400.000 + 38.025.500) là 2.821.250 đồng theo quy định tại pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 2702/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tổng số tiền án phí công ty T phải chịu là: 200.000 đồng + 2.821.250 đồng = 3.021.250 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184; Điều 185; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 424; Điều 426 của Bộ luật Dân sự 2005.

- Điều 300; Điều 301 Luật Thương mại năm 2005; Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH TM-DV- XL T và chị Phạm Thị Kim Ng chấm dứt đồng kinh tế số 22/15/HĐKT-TBP ngày 10 tháng 03 năm 2015 về việc thi công đường dây trung thế và TBA 3p-160Kva.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của công ty Công ty TNHH TM-DV- XL T và chị Phạm Thị Kim Ng, công ty TNHH TM-DV- XL T thanh toán cho bà Phạm Thị Kim Ng số tiền 38.025.000 (*ba mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng.

3. Buộc công ty TNHH TM-DV- XL T thanh toán cho chị Phạm Thị Kim Ng số tiền phạt vi phạm là 18.400.000 (*mười tám triệu bốn trăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Kim Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty TNHH TM-DV- XL T chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về chi phí Thẩm định giá tài sản.

Công ty TNHH TM-DV- XL T phải thanh toán cho chị Phạm Thị Kim Ng 7.000.000 (bảy triệu) đồng chi phí Thẩm định giá.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí: Công ty TNHH TM-DV- XL T phải nộp 3.021.250 đồng (*ba triệu không trăm hai mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Phạm Thị Kim Ng số tiền 5.800.000 (*năm triệu tám trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002763 ngày 27/6/2016 và biên lai thu số 000132 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Tuân